

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 28/07/2020

*“V/v: Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **DƯƠNG VĂN VŨ**

Các Hội thẩm nhân dân: 01/ Ông **NGUYỄN HOÀNG**

02/ Bà **HOÀNG THỊ XOAN**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **NGUYỄN THỊ NGÀ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:** Bà **PHAN THỊ LÀNH** – Kiểm sát viên.

Ngày 28/07/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương – tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2020/TLST – HNGĐ ngày 17/02/2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình: *“Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 22/06/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST–HNGĐ ngày 08/07/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn LT – TT – Đ – Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Xuân S**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn LT – TT – Đ – Lâm Đồng.

(Bà Lê Thị H có mặt, ông Nguyễn Xuân S vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/02/2020, bản tự khai ngày 17/02/2020 và lời khai tại phiên tòa – nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân S tự nguyện yêu thương, tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn đôi bên chung sống với nhau tại Ấp 1 – Phú Lý – Vĩnh Cửu – Đồng Nai, đến năm 1996 thì chuyển về sinh sống ổn định tại Thôn LT – TT – Đ – Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2001 giữa đôi bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuần là do đôi bên bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được với nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hằng ngày, từ đó dẫn đến đôi bên có lời qua tiếng lại, xúc phạm lẫn nhau, nhiều lần như thế khiến bà Lê Thị H không thể chịu đựng được. Bên cạnh đó ông Nguyễn Xuân S luôn duy trì lối sống vũ phu gia trưởng, hay ghen tuông vô cớ về đánh đập bà Lê Thị H, dẫn đến không khí gia đình ngày càng căng thẳng, mặc dù còn sống chung nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên không thể đi đăng ký kết hôn.

Nay tình cảm đôi bên không còn, không thể hàn gắn được nữa bà Lê Thị H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Xuân S.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị H xác nhận trong quá trình chung sống giữa bà và ông Nguyễn Xuân S có 03 con chung là chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/02/1995; chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 31/08/1998; chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 21/12/2001; Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung: Bà Lê Thị H yêu cầu tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị H xác nhận trong quá trình chung sống giữa đôi bên không có nợ chung nên không đề cập đến.

Đây là vụ án không được hòa giải theo quy định của pháp luật, đối với tài sản chung các bên tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Xuân S.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H, Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H với ông Nguyễn Xuân S; Về con chung: các con chung của bà H và ông S đã trưởng thành nên không đề cập đến, tài sản chung tự thỏa thuận nên không xem xét và nợ chung không có nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của nguyên đơn, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” giữa nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Nguyễn Xuân S. Ông Nguyễn Xuân S có nơi cư trú tại: Thôn LT – TT – Đ – Lâm Đồng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại Khoản 8 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Việc bị đơn ông Nguyễn Xuân S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 227, 228, 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho ông Nguyễn Xuân S là đủ.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân S tự nguyện yêu thương, tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Tại thời điểm chung sống thì bà H và ông S đều còn độc thân, đôi bên đã đủ tuổi kết hôn nhưng lại không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân S là không hợp pháp.

Quá trình chung sống đến năm 2001 giữa đôi bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được với nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hằng ngày, từ đó dẫn đến đôi bên có lời qua tiếng lại, xúc phạm lẫn nhau, nhiều lần như thế khiến bà Lê Thị H không thể chịu đựng được. Bên cạnh đó ông Nguyễn Xuân S luôn duy trì lối sống vũ phu gia trưởng, hay ghen tuông vô cớ về đánh đập bà Lê Thị H, dẫn đến không khí gia đình ngày càng căng thẳng, mặc dù còn sống chung nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên không đi đăng ký kết hôn. Nay tình cảm đôi bên không còn, không thể hàn gắn được nữa bà Lê Thị H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Xuân S.

Phía ông Nguyễn Xuân S vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng ông S đều không hợp tác, không đến để làm việc. Như vậy, có thể thấy ông Nguyễn Xuân S không có thiện chí mong muốn xây dựng hôn nhân với bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị H vẫn cương quyết yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Xuân S là có căn cứ. Nên cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân S là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân S có 03 con chung là chị Nguyễn Thị K, sinh ngày 25/02/1995; chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 31/08/1998; chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 21/12/2001; Hiện nay các con chung của bà Nết ông Thọ đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, không bị hạn chế khả năng nhận thức, không mắc các bệnh hiểm

nghèo. Xét thấy các con chung có thể tự lo cho cuộc sống của mình nên không đề cập đến vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:*

Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, ông S không có ý kiến trình bày về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét đến. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành một vụ án khác.

Về nợ chung: bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến xác nhận trong quá trình chung sống giữa đôi bên không có nợ chung nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Xuân S không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 8 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Các Điều 175, 177, 179; Khoản 2 Điều 206; Các Điều 219, 220, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Xuân S.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị H phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, căn cứ vào Biên lai thu tiền số 0016155 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, bà Lê Thị H đã nộp đủ. Ông Nguyễn Xuân S không phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAT Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA huyện Đơn Dương;
- Các ĐS;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Vũ

